TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2472/2023/KDTM-ST
Ngày: 18/7/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

- *Thư ký phiên toà:* Ông Lê Hoàng Quân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức *tham gia phiên tòa*: bà Trịnh Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/TLST-KDTM ngày 03 tháng 10 năm 2012, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3388/2023/QĐXXST- KDTM ngày 21 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH G

Địa chỉ: Số 12/3 đường P, Phường H, quận T, Thành phố H

Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Tấn D và bà Đặng Thị Thanh T.

Văn bản ủy quyền ngày 19/7/2022

Bị đơn: Công ty TNHH MTV P

Địa chỉ: Số 647 Quốc lộ M, phường H, thành phố T, Thành phố H

Người đại diện theo pháp luật ông LIM BYEONG G

Địa chỉ: Số 647 Quốc lộ M, phường H, thành phố T, Thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/8/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đặng Thị Thanh

Ttrình bày: Vào ngày 27/5/2021, Công ty TNHH G (gọi tắt là Công ty W) và Công ty TNHH MTV P (gọi tắt là công ty M) đã ký Hợp đồng Hợp đồng mua bán số 51/2021/HĐKT/WMTG với nội dung Công ty W cung cấp hàng hóa là Bông thủy tinh cách nhiệt và lưới thép mạ kẽm cho Công trình H, tỉnh B với giá theo hợp đồng là 2.042.076.960 đồng.

Thực hiện theo thỏa thuận của hợp đồng Công ty W đã tiến hành cung cấp hàng hóa theo thỏa thuận hợp đồng tại Công trình H, tỉnh B thông qua 18 Phiếu giao hàng có chữ ký xác nhận của cả hai bên mua và bán, ngày giao hàng cuối cùng là 11/7/2021. Đồng thời, Công ty W cũng đã cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán theo quy định hợp đồng và xuất các hóa đơn VAT cho bên mua Công ty M, gồm các hóa đơn số 383, 384, 400, 409, 412, 425, 426, 450, 451. Tổng số tiền đề nghị thanh toán là 1.826.155.980 đồng.

Theo quy định tại Điều 3.2 Hợp đồng 51, toàn bộ giá trị còn lại hợp đồng phải được bên mua Công ty M thanh toán bằng chuyển khoản cho bên bán trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bên bán giao hàng và hoàn thành hồ sơ thanh toán (tức chậm nhất là 21/7/2021 đối với đợt giao hàng cuối cùng). Tuy nhiên tính đến ngày 27/01/2022 bị đơn mới trả cho nguyên đơn số tiền là 343.151.980 đồng và từ ngày 28/01/2022, nguyên đơn vẫn không nhận được thêm bất kỳ khoản tiền công nợ nào. Do đó, ngày 15/02/2022, nguyên đơn và bị đơn đã tiến hành đối chiếu công nợ, xác nhận số nợ tính đến 15/02/2022 là 1.483.004.000 đồng và ngày 06/4/2022, hai bên đã ký Biên bản xác nhận công nợ, theo đó bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 1.483.004.000 đồng.

Dù đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu bị đơn nhanh chóng thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ của Hợp đồng 51 cho nguyên đơn, đồng thời cũng đã thiện chí nhiều lần gia hạn thời gian thanh toán cho bị đơn, nhưng cho đến nay nguyên đơn vẫn chưa thể thu hồi hết số nợ. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty M trả số tiền nợ gốc còn nợ: 1.483.004.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán kể từ ngày 21/7/2021 đến ngày 11/7/2023 theo lãi suất 10%/năm với số tiền là 292.368.482 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 1.775.372.402 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH MTV P có ông LIM BYEONG G là người đại diện theo pháp luật mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Công ty TNHH MTV P có ông LIM BYEONG G là người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

Về tố tụng: Tranh chấp giữa Công ty TNHH G (gọi tắt là Công ty Win) và Công ty TNHH MTV P (gọi tắt là công ty M) là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" thuộc Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ vào Công văn số 4511/ĐKKD-T6 ngày 05/6/2023 về việc cung cấp thông tin doanh nghiệp của phòng đăng ký doanh nghiệp Sở kế hoạch đầu tư, Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty TNHH MTV P chưa giải thể, có địa chỉ trụ sở chính tại 647 Quốc lộ M, phường H, thành phố T, Thành phố H nên căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng như Hợp đồng mua bán số 51/2021/HĐKT/WMTG ngày 27/5/2021 có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết các hợp đồng nêu trên. Xét về nội dung, hình thức hợp đồng đã ký kết là phù hợp với quy định tại Điều 74 Luật Thương mại, vì vậy, hợp đồng nêu trên có hiệu lực thi hành.

Xét, nguyên đơn Công ty W yêu cầu bị đơn Công ty M trả số tiền gốc còn nợ là 1.483.004.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào Hợp đồng mua bán số 51/2021/HĐKT/WMTG ngày 27/5/2021 cũng như bản xác nhận công nợ có chữ ký xác nhận của đại diện Công ty M cho thấy hai bên xác nhận số tiền bị đơn còn phải thanh toán cho hợp đồng số 51/2021/HĐKT/WMTG ngày 27/5/2021 là 1.483.004.000 đồng. Theo chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp, bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền là 343.151.980 đồng và từ ngày 28/01/2022 thì bị đơn còn nợ số tiền là 1.483.004.000 đồng. Bị đơn Công ty M không đến Tòa và không cung cấp chứng cứ chứng minh về việc trả nợ cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào hợp đồng số 51/2021/HĐKT/WMTG ngày 27/5/2021 và biên bản xác nhận công nợ ngày 06/4/2022 do nguyên đơn cung cấp để xác định đến nay bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 1.483.004.000 đồng. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; Buộc Công ty M có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Công ty W số tiền là 1.483.004.000 đồng.

Về yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả theo lãi suất 0.833%/ tháng đối với số tiền 1.483.004.000 đồng còn thiếu kể từ ngày 21/7/2021 đến ngày 11/7/2023 với số tiền là 292.368.482 đồng. Theo hợp đồng 51/2021/HĐKT/WMTG ngày 27/5/2021 thì hai bên không có thỏa thuận về việc trả tiền lãi chậm thanh toán, vì vậy căn cứ vào Điều 306 Luật thương mại thì bị đơn phải chịu lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường, do đó yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn đã được biết về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối gì.

Từ các nhận định trên cho thấy do bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 1.483.004.000 đồng nên bị đơn phải trả số tiền là 1.483.004.000 đồng và tiền lãi là 292.368.482 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 1.775.372.402 đồng cho nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là có căn cứ nên được chấp nhận.

Căn cứ vào Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 thì kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn Công ty M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn Công ty W.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 74, Điều 87, Điều 306, Điều 319 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hương dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH G.

Buộc Công ty TNHH MTV P phải trả cho Công ty TNHH G số tiền còn nợ là 1.775.372.402 (một tỷ bảy trăm bảy mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi hai ngàn

bốn trăm lẻ hai đồng), trong đó tiền gốc là 1.483.004.000 (một tỷ bốn trăm tám mươi ba triệu không trăm lẻ bốn ngàn) đồng và tiền lãi là 292.368.482 (hai trăm chín mươi hai triệu ba trăm sáu mươi tám ngàn bốn trăm tám mươi hai đồng).

Kể từ ngày Công ty TNHH G có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền phải trả nếu Công ty TNHH MTV P chưa trả tiền thì hàng tháng Công ty TNHH MTV P còn phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định Điều 468 của Bộ luật của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH MTV P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 65.261.172 (sáu mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi mốt ngàn một trăm bảy mươi hai) đồng. Công ty TNHH MTV P chưa nộp án phí.

Công ty TNHH G không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn lại số tiền tạm án phí 32.064.548 đồng (ba mươi hai triệu không trăm sáu mươi bốn ngàn năm trăm bốn mươi tám đồng) cho Công ty TNHH G theo biên lai thu số 0028430 ngày 21/9/2022 của Cơ quan chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

4. Quyền kháng cáo:

Công ty TNHH G có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty TNHH MTV P vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND.TP TĐ;
- THADS TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (…).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ánh Nguyệt

.